

ĐỀ MINH HỌA SỐ 08
KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025
(Đề thi có 08 trang)
Môn thi: TIẾNG ANH
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Phần 1	
1. D	2. A
3. C	4. A
5. B	6. D
Phần 2	
7. B	8. C
9. B	10. A
11. B	12. C
Phần 3	
13. C	14. D
15. A	16. B
17. B	
Phần 4	
18. A	19. B
20. C	21. D
22. C	

Phần 5	
23. C	24. A
25. B	26. D
27. B	28. B
29. B	30. D
Phần 6	
31. B	32. D
33. C	34. B
35. B	36. A
37. B	38. C
39. B	40. C



Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

DISCOVER THE WORLD IN HUE WITH GLOBEWANDER

Have you ever dreamed of exploring the most colorful places on Earth? GlobeWander, an (1) _____, is here to help you fulfill your travel desires. Whether you want (2) _____ crowded, bustling cities or tranquil countryside, we've got it all! Our platform connects you to unique experiences, from discovering hidden gems to enjoying (3) _____ festivals. All you need to do is sign up, and we'll match you with a perfect travel itinerary tailored (4) _____ to your preferences.

So, why wait? Pack your bags and embark (5) _____ an unforgettable journey with us! If you wish to explore famous landmarks, GlobeWander will (6) _____ it easy with just a click.

DỊCH BÀI:

 **KHÁM PHÁ THẾ GIỚI Ở HUẾ CÙNG GLOBEWANDER**  Bạn đã bao giờ mơ ước được khám phá những nơi rực rỡ sắc màu nhất trên Trái Đất chưa? GlobeWander, một hướng dẫn viên khám phá thế giới lý tưởng, sẽ giúp bạn thỏa mãn mong muốn du lịch của mình. Cho dù bạn muốn ghé thăm những thành phố đông đúc, nhộn nhịp hay vùng nông thôn yên bình, chúng tôi đều có tất cả! Nền tảng của chúng tôi kết nối bạn với những trải nghiệm độc đáo, từ khám phá những viên ngọc ẩn giấu đến tận hưởng các lễ hội sôi động. Tất cả những gì bạn cần làm là đăng ký và chúng tôi sẽ mang lại cho bạn hành trình du lịch hoàn hảo được điều chỉnh phù hợp với sở thích của bạn.

Vậy thì còn chần chừ gì nữa? Hãy chuẩn bị hành lý và bắt đầu một hành trình khó quên cùng chúng tôi! Nếu bạn muốn khám phá những địa danh nổi tiếng, GlobeWander sẽ giúp bạn thực hiện điều đó dễ dàng chỉ bằng một cú nhấp chuột.

Question 1 [6957056]: A. ideal exploration guide world
C. world ideal guide exploration
B. exploration ideal world guide
D. ideal world exploration guide

Kiến thức về trật tự từ:

Ta có cụm danh từ: **world exploration guide: hướng dẫn viên khám phá thế giới** (cung cấp thông tin chi tiết về các địa điểm du lịch, điểm tham quan nổi bật, và các hoạt động khám phá trên toàn thế giới).

Ta có quy tắc: **Tính từ đứng trước danh từ** ⇒ tính từ **“ideal”** phải đứng trước cụm danh từ **“world exploration guide”**.

⇒ ta có trật tự đúng: **ideal world exploration guide**

Tạm dịch: GlobeWander, a(n) (1) _____, is here to help you fulfill your travel desires.

(GlobeWander, một hướng dẫn viên khám phá thế giới lý tưởng, sẽ giúp bạn thỏa mãn mong muốn du lịch của mình).

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 2 [6957057]: A. to visit B. visiting C. to visiting D. visit

Kiến thức về danh động từ và động từ nguyên mẫu:

Ta có: **want + to V (nguyên thể): muốn làm gì**

Tạm dịch: Whether you want (2) _____ crowded, bustling cities or tranquil countryside, we've got it all! (Cho dù bạn muốn ghé thăm những thành phố đông đúc, nhộn nhịp hay vùng nông thôn yên bình, chúng tôi đều có tất cả!).

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 3 [6957058]: A. vibrate B. vibration C. vibrant D. vibrantly

Kiến thức về từ loại:

***Xét các đáp án:**

A. vibrate /vaɪ'breɪt/ (v): rung lên, ngân vang lên (âm thanh); rung lắc

B. vibration /vaɪ'breɪ·ʃən/ (n): sự rung lên; sự rung lắc

C. vibrant /'vaɪ.brənt/ (a): sôi động, tràn đầy năng lượng

D. vibrantly /'vaɪ.brənt.li/ (adv): một cách sôi động, tràn đầy năng lượng

Căn cứ vào danh từ "**festivals**" ⇒ vị trí chỗ trống cần một tính từ (theo quy tắc **trước danh từ là tính từ**).

Tạm dịch: Our platform connects you to unique experiences, from discovering hidden gems to enjoying (3) _____ festivals. (*Nền tảng của chúng tôi kết nối bạn với những trải nghiệm độc đáo, từ khám phá những viên ngọc ẩn giấu đến tận hưởng các lễ hội sôi động*).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 4 [6957059]: A. tailored B. tailor C. tailoring D. which tailor

Kiến thức về rút gọn mệnh đề quan hệ:

Ta có: Trong một câu không thể có 2 động từ chính cùng chia theo thì của câu, động từ thứ hai phải ở trong mệnh đề quan hệ hoặc chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ ⇒ loại B.

Tạm dịch: All you need to do is sign up, and we'll match you with a perfect travel itinerary (4) _____ to your preferences. (*Tất cả những gì bạn cần làm là đăng ký và chúng tôi sẽ mang lại cho bạn hành trình du lịch hoàn hảo được điều chỉnh phù hợp với sở thích của bạn*).

⇒ Căn cứ vào nghĩa, động từ "**tailor**" cần chia ở dạng bị động ⇒ loại D.

*Ta có: Khi rút gọn mệnh đề quan hệ, nếu động từ trong mệnh đề quan hệ đó ở thể bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và trợ động từ, đưa động từ chính về dạng **Vp2** ⇒ loại C.

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 5 [6957101]: A. in B. on C. for D. at

Kiến thức về giới từ:

Ta có cụm từ: **embark on sth/doing sth: bắt đầu điều gì/làm gì** ⇒ vị trí chỗ trống cần giới từ "on".

Tạm dịch: So, why wait? Pack your bags and embark (5) _____ an unforgettable journey with us! (*Vậy thì còn chần chừ gì nữa? Hãy chuẩn bị hành lý và bắt đầu một hành trình khó quên cùng chúng tôi!*).

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 6 [6957154]: A. take B. last C. lead D. make

Kiến thức về giới từ:

Ta có cụm từ: **embark on sth/doing sth: bắt đầu điều gì/làm gì** ⇒ vị trí chỗ trống cần giới từ "on".

Tạm dịch: So, why wait? Pack your bags and embark (5) _____ an unforgettable journey with us! (*Vậy thì còn chần chừ gì nữa? Hãy chuẩn bị hành lý và bắt đầu một hành trình khó quên cùng chúng tôi!*).

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Explore Your Career Opportunities!

Are you looking for a job that offers both growth and satisfaction? At ACE Corporation, we provide numerous opportunities for you to advance your career. With a competitive (7) _____ and benefits, you can build a fulfilling professional life.

Why Choose Us?

- **Career Development:** We believe in investing in our employees. With a (8) _____ of training programs available, you can (9) _____ your skills and climb the career ladder.
- **Work-Life Balance:** We understand the importance of balance. (10) _____, we offer flexible hours and (11) _____ benefits that cater to your needs.
- **Supportive Environment:** Our team is dedicated to your success. Many employees in the company have found their passion and excelled, thanks to our collaborative culture.

Join Us Today!

If you are ready to (12) _____ new challenges and make a difference, apply now! To learn more about our openings or to submit your application, visit our website or contact us.

DỊCH BÀI:

Khám phá cơ hội nghề nghiệp của bạn!

Bạn đang tìm kiếm một công việc vừa có thể phát triển vừa mang lại sự hài lòng? Tại Tập đoàn ACE, chúng tôi cung cấp nhiều cơ hội để bạn thăng tiến trong sự nghiệp. Với mức lương và chế độ phúc lợi cạnh tranh, bạn có thể tạo dựng một cuộc sống nghề nghiệp viên mãn.

Tại sao nên chọn chúng tôi?

- **Phát triển sự nghiệp:** Chúng tôi tin tưởng vào việc đầu tư vào nhân viên của mình. Với hàng loạt chương trình đào tạo có sẵn, bạn có thể nâng cao kỹ năng và thăng tiến trong sự nghiệp.
- **Sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống:** Chúng tôi hiểu tầm quan trọng của sự cân bằng. Do đó, chúng tôi cung cấp giờ làm việc linh hoạt và các phúc lợi khác đáp ứng nhu cầu của bạn.
- **Môi trường mang tính hỗ trợ:** Đội ngũ của chúng tôi dốc sức cho thành công của bạn. Nhiều nhân viên trong công ty đã tìm thấy đam mê và đạt được thành tích xuất sắc, nhờ vào văn hóa hợp tác của chúng tôi.

Hãy tham gia cùng chúng tôi ngay hôm nay!

Nếu bạn đã sẵn sàng đón nhận những thử thách mới và tạo nên sự khác biệt, hãy nộp đơn ngay! Để tìm hiểu thêm về các vị trí tuyển dụng của chúng tôi hoặc để nộp đơn, hãy truy cập trang web của chúng tôi hoặc liên hệ với chúng tôi.

Question 7 [695712]: A. fee

B. salary

C. money

D. fare

Kiến thức về từ vựng:

*Xét các đáp án:

A. fee /fi:/ (n): số tiền bạn phải trả cho các dịch vụ lời khuyên, tư vấn mang tính chuyên nghiệp; phí trả cho một loại dịch vụ đặc thù như học phí, phí đăng kí xe, các loại dịch vụ phạm lý; phí trả để đi vào đâu

B. salary /'sæl.ər.i/ (n): tiền lương (được trả hằng tháng, hằng năm, mang tính cố định, lâu dài)

C. money /'mʌn.i/ (n): tiền

D. fare /feə/ (n): phí di chuyển, phải trả khi sử dụng các phương tiện đi lại như xe bus, tàu hỏa,...

Tạm dịch: With a competitive (7)_____ and benefits, you can build a fulfilling professional life.

(Với mức lương và chế độ phúc lợi cạnh tranh, bạn có thể tạo dựng một đời sống nghề nghiệp viên mãn).

Căn cứ vào nghĩa, B là đáp án phù hợp.

Question 8 [695713]: A. large amount B. little C. range D. bit

Kiến thức về từ vựng

*Xét các đáp án:

A. amount /ə'maʊnt/ (n): một lượng

⇒ the amount of + N không đếm được: một lượng gì

B. little /lɪtl/ (adj):nhỏ bé, ít

⇒ A little đi kèm danh từ không đếm được, chỉ lượng nhỏ của vật gì đó

C. range /reɪndʒ/ (n): hàng loạt

⇒ a (wide/whole) range of + N đếm được số nhiều: hàng loạt thứ gì

D. bit /bɪt/ (n):Một chút, một ít

⇒ A bit thường được dùng như 1 trạng từ với nghĩa một ít, một chút, đi phía sau là động từ hoặc tính từ

Căn cứ vào danh từ đếm được số nhiều "programs" ⇒ ta không dùng "amount","little" ⇒ loại A, B.

Cũng không dùng "bit" ⇒ Loại D

Tạm dịch: With a(n) (8)_____ of training programs available,...(Với hàng loạt chương trình đào tạo có sẵn,...)

Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Question 9 [695714]: A. ensure B. enhance C. devote D. separate

Kiến thức về từ vựng – nghĩa của từ:

*Xét các đáp án:

A. ensure /ɪn'ʃʊ:r/ (v): đảm bảo

B. enhance /ɪn'hɑ:ns/ (v): cải thiện, nâng cao

C. devote /dɪ'vəʊt/ (v): cống hiến, tận tâm

D. separate /'sep.ər.ət/ (v): chia cắt, tách ra

Tạm dịch: With a(n) range of training programs available, you can (9)_____ your skills and climb the career ladder. (Với hàng loạt chương trình đào tạo có sẵn, bạn có thể nâng cao kỹ năng và thăng tiến trong sự nghiệp).

Căn cứ vào nghĩa, B là đáp án phù hợp.

Question 10 [695715]: A. Therefore B. In addition C. By contrast D. However

Kiến thức về liên từ:***Xét các đáp án:**

- A. Therefore: Do đó, vì thế
- B. In addition: Thêm vào đó
- C. By contrast: Ngược lại
- D. However: Tuy nhiên

Tạm dịch: We understand the importance of balance. (10)_____, we offer flexible hours...
(Chúng tôi hiểu tầm quan trọng của sự cân bằng. Do đó, chúng tôi cung cấp giờ làm việc linh hoạt...).

Căn cứ vào nghĩa, A là đáp án phù hợp.

Question 11 [695716]: A. the other B. other C. another D. others

Kiến thức về lượng từ:***Xét các đáp án:**

- A. the other: cái còn lại trong hai cái, hoặc người còn lại trong hai người
- B. other + N không đếm được/ N đếm được số nhiều: những cái khác/ người khác
- C. another + N đếm được số ít: một cái khác/người khác.
- D. others: những cái khác/ người khác, được sử dụng như đại từ, theo sau không có bất kì danh từ nào

Căn cứ vào danh từ đếm được số nhiều "**benefits**" đứng sau vị trí chỗ trống ⇒ loại A, C, D.

Tạm dịch: We understand the importance of balance. As a result, we offer flexible hours and (11)_____ benefits that cater to your needs. (Chúng tôi hiểu tầm quan trọng của sự cân bằng. Do đó, chúng tôi cung cấp giờ làm việc linh hoạt và các phúc lợi khác đáp ứng nhu cầu của bạn).
Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 12 [695717]: A. catch on B. back up C. take on D. bring up

Kiến thức về cụm động từ:***Xét các đáp án:**

- A. catch on: trở nên phổ biến; hiểu (sau một thời gian dài)
- B. back up: giúp đỡ, ủng hộ ai; chứng minh điều gì là đúng
- C. take on: thuê mướn; đảm nhận; đón nhận
- D. bring up: nuôi nấng; đề cập

Tạm dịch: If you are ready to (12)_____ new challenges and make a difference, apply now!
(Nếu bạn đã sẵn sàng đón nhận những thử thách mới và tạo nên sự khác biệt, hãy nộp đơn ngay!).
Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13 [695718]:

- a. Ann: Hi, Mi. Long time no see. How're you doing?
- b. Ann: Oh, that's why I haven't seen you in the Reading Club very often.
- c. Mi: I'm fine, thanks. By the way, we moved to a new house in a suburb last month.

(Adapted from Global Success 9)

A. a-b-c

B. c-a-b

C. a-c-b

D. b-a-c

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

a. Ann: Hi, Mi. Long time no see. How're you doing? (Ann: Chào Mi. Lâu rồi không gặp. Bạn khỏe không?)

c. Mi: I'm fine, thanks. By the way, we moved to a new house in a suburb last month. (Mi: Tôi ổn, cảm ơn bạn. Nhân tiện, chúng tôi đã chuyển đến một ngôi nhà mới ở vùng ngoại ô vào tháng trước).

b. Ann: Oh, that's why I haven't seen you in the Reading Club very often. (Ann: Ồ, đó là lý do tại sao tôi không thấy bạn ở Câu lạc bộ Đọc sách thường xuyên nữa).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **a-c-b**

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 14 [695719]:

a. Man: Yeah. I've got no problem with that. It sounds good, actually. The last place I worked for was quite demanding too. We had to make sure we gave a really high level of service.

b. Man: That's fine. I'm very used to working in that kind of environment.

c. Woman: That's good to hear because that will be equally important at Milo's. I know they want people who have an eye for detail.

d. Woman: OK. Now, they do have some quite specific requirements for the kind of person they're looking for. Milo's a young, dynamic company and they're really keen on creating a strong team. It's really important you fit in and get on well with everyone.

e. Woman: Perfect. So the only other thing that's required is good communication skills, so you'll need to have a certificate in English.

(Adapted from Cambridge IELTS 18)

A. e-a-c-b-d

B. a-e-d-b-c

C. c-a-b-e-d

D. d-a-c-b-e

Kiến thức về sắp xếp câu tạo thành đoạn hội thoại:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể/ đoạn hội thoại hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

d. Woman: OK. Now, they do have some quite specific requirements for the kind of person they're looking for. Milo's a young, dynamic company and they're really keen on creating a strong team. It's really important that you can fit in and get on well with everyone. (Người phụ nữ: Được thôi. Bây giờ, họ có một số yêu cầu khá cụ thể đối với đối tượng mà họ đang tìm kiếm. Milo là một công ty trẻ, năng động và họ thực sự muốn tạo ra một đội ngũ mạnh mẽ. Điều thực sự quan trọng là bạn có thể hòa nhập và hòa hợp tốt với mọi người).

a. Man: Yeah. I've got no problem with that. It sounds good, actually. The last place I worked for was quite demanding too. We had to make sure we gave a really high level of service. (Người đàn ông: Ồ. Tôi không có vấn đề gì với điều đó. Nghe có vẻ ổn, thực sự là như vậy. Nơi làm việc trước đây của tôi cũng khá vất vả. Chúng tôi phải đảm bảo rằng chúng tôi cung cấp dịch vụ ở mức thực sự cao).

c. Woman: That's good to hear because that will be equally important at Milo's. I know they want people who have an eye for detail. (Người phụ nữ: Thật tốt khi nghe điều đó vì điều đó cũng quan trọng không kém ở Milo. Tôi biết họ muốn những người có con mắt tinh tường).

b. Man: That's fine. I'm very used to working in that kind of environment. (Người đàn ông: Không sao cả. Tôi đã rất quen làm việc trong môi trường như thế này).

e. Perfect. So the only other thing that's required is good communication skills, so you'll need to have a certificate in English. (Hoàn hảo. Vậy thì điều duy nhất cần thiết nữa là kỹ năng giao tiếp tốt, do đó bạn cần có chứng chỉ tiếng Anh)

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **d-a-c-b-e**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 15 [695720]:

Hi Susan,

a. The streets are bigger now, and two new highways were built last year.

b. I'm happy to hear you're having fun at university. And you're right, my town is different now. Do you remember what it looked like when you visited five years ago?

c. A new movie theater has just been opened too, so I'm going there with my friends tomorrow. What else? Well, two skyscrapers were built two years ago. Because the town center is more crowded now, many people have moved to the outskirts recently.

d. My aunt's family moved last month, and they like it there.

e. It's so much easier to get around now. Last month, two new bookstores were opened near my house. Overall, I like all the changes. How about your town? Has it changed much?

Love,

Molly.

(Adapted from iLearn Smart World)

A. b-a-e-c-d

B. a-e-d-b-c

C. c-a-b-e-d

D. d-e-c-b-a

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành lá thư:

*Để tạo nên một lá thư hoàn chỉnh, mở đầu phải là lời chào cũng như giới thiệu chủ đề sắp nói đến bằng cách dùng **Dear/ Hi + tên người nhận**. Ở phần thân lá thư, ta sắp xếp sao cho chúng phù hợp về ngữ nghĩa. Kết thúc lá thư sẽ là lời nhắn nhủ, gửi lời chúc đến người nhận bằng cụm **Best wishes/ Best regards/ Best/ Sincerely/ Love/ With warm regards/ Yours faithfully,...**

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

Hi Susan, (*Chào Susan,*).

b. I'm happy to hear you're having fun at university. And you're right, my town is different now. Do you remember what it looked like when you visited five years ago? (*Tôi rất vui khi biết bạn đang vui vẻ ở trường đại học. Và bạn nói đúng, thị trấn của tôi bây giờ đã khác. Bạn có nhớ nó trông như thế nào khi bạn đến thăm năm năm trước không?*).

a. The streets are bigger now, and two new highways were built last year. (*Đường phố hiện nay đã rộng hơn và có hai đường cao tốc mới được xây dựng vào năm ngoái*).

e. It's so much easier to get around now. Last month, two new bookstores were opened near my house. (*Bây giờ đi lại dễ dàng hơn nhiều. Tháng trước, có hai hiệu sách mới mở gần nhà tôi*).

c. A new movie theater has just been opened too, so I'm going there with my friends tomorrow. What else? Well, two skyscrapers were built two years ago. Because the town center is more crowded now, many people have moved to the outskirts recently. (*Một rạp chiếu phim mới cũng vừa mới mở, ngày mai tôi sẽ cùng bạn bè đến đó. Còn gì nữa nhỉ? À, hai tòa nhà chọc trời đã được xây dựng cách đây hai năm. Bởi vì trung tâm thị trấn hiện đã đông đúc hơn, nên gần đây nhiều người đã chuyển đến vùng ngoại ô*).

d. My aunt's family moved last month, and they like it there. (*Gia đình dì tôi mới chuyển đến vào tháng trước và họ rất thích nơi đó*).

Overall, I like all the changes. How about your town? Has it changed much? (*Nhìn chung, tôi thích tất cả những thay đổi. Còn thị trấn của bạn thì sao? Nó có thay đổi nhiều không?*).

Love, (*Yêu mến,*)

Molly.

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **b-a-e-c-d**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 16 [695721]:

- It's taken decades for scientists to develop tasty food that astronauts can easily consume in space.
- When astronauts get hungry, they simply rehydrate the food with water from a special dispenser and wait for 20 to 30 minutes until it's ready.
- Much of this is freeze-dried; a process by which the food is cooked, frozen, and then it has all its water sucked out.
- The food containers can then be attached to trays with fasteners to secure them.
- Freeze-dried food lasts for a long time and doesn't need to be refrigerated, making it ideal for space travel.

(Adapted from Exam Essentials Practice Tests FCE)

A. c-a-e-b-d

B. a-c-e-b-d

C. a-d-b-e-c

D. b-e-c-d-a

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành đoạn văn:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- a. It's taken decades for scientists to develop tasty food that astronauts can easily consume in space. (*Các nhà khoa học phải mất hàng thập kỷ để phát triển loại thực phẩm ngon mà các phi hành gia có thể dễ dàng tiêu thụ trong không gian*).
- c. Much of this is freeze-dried; a process by which the food is cooked, frozen, and then it has all its water sucked out. (*Phần lớn thực phẩm này được sấy khô bằng phương pháp đông lạnh; một quá trình trong đó thực phẩm được nấu chín, đông lạnh và sau đó hút hết nước*).
- e. Freeze-dried food lasts for a long time and doesn't need to be refrigerated, making it ideal for space travel. (*Thực phẩm sấy đông có thể bảo quản lâu dài và không cần giữ lạnh, rất lý tưởng cho các chuyến du hành vũ trụ*).
- b. When astronauts get hungry, they simply rehydrate the food with water from a special dispenser and wait for 20 to 30 minutes until it's ready. (*Khi các phi hành gia đói, họ chỉ cần pha nước vào thức ăn từ một máy cấp nước đặc biệt và đợi từ 20 đến 30 phút cho đến khi thức ăn chín*).
- d. The food containers can then be attached to trays with fasteners to secure them. (*Các hộp đựng thực phẩm sau đó có thể được gắn vào khay bằng các chốt cố định để giữ chúng chắc chắn*).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **a-c-e-b-d**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 17 [695722]:

- a. The sport saw some success among boomers in more recent years.
- b. Experts also attribute the sport's rapid popularity to a few other factors, including its ease of play, low cost of entry, and sociability.
- c. Pickleball can be learned in just a few lessons, and players can find tournaments at varying competitive levels.
- d. Pickleball, a combination of tennis, badminton, and ping-pong, was first created in 1965 in Bainbridge Island, Washington.
- e. The Villages in Florida now feature more than 220 pickleball courts.

(Adapted from CNBC Sport)

- A. c-b-e-a-d B. d-a-e-b-c C. e-d-b-a-c D. a-e-b-d-c

Kiến thức về sắp xếp trật tự câu tạo thành đoạn văn:

*Để tạo nên một đoạn văn/lời kể hoàn chỉnh, ta sắp xếp chúng sao cho phù hợp về mặt ngữ nghĩa, ngữ pháp, câu sau là sự tiếp nối về nội dung với câu trước.

⇒ Ta có cách sắp xếp hoàn chỉnh:

- d. Pickleball, a combination of tennis, badminton, and ping-pong, was first created in 1965 in Bainbridge Island, Washington. (*Pickleball, sự kết hợp giữa quần vợt, cầu lông và bóng bàn, được sáng tạo lần đầu tiên vào năm 1965 tại đảo Bainbridge, Washington*).
- a. The sport saw some success among boomers in more recent years. (*Môn thể thao này đã đạt được một số thành công nhất định trong thế hệ bùng nổ dân số trong những năm gần đây*).
- e. The Villages in Florida now feature more than 220 pickleball courts. (*The Villages ở Florida hiện có hơn 220 sân chơi cho môn thể thao này*).
- b. Experts also attribute the sport's rapid popularity to a few other factors, including its ease of play, low cost of entry, and sociability. (*Các chuyên gia cũng cho rằng môn thể thao này nhanh chóng phổ biến là do một số yếu tố khác, bao gồm tính dễ chơi, chi phí tham gia thấp và tính xã hội*).
- c. Pickleball can be learned in just a few lessons, and players can find tournaments at varying competitive levels. (*Người chơi có thể chơi Pickleball chỉ sau vài buổi học và họ có thể tìm thấy nhiều giải đấu ở nhiều cấp độ cạnh tranh khác nhau*).

Vậy ta có thứ tự sắp xếp đúng là: **d-a-e-b-c**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Read the following passage about AI in healthcare and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Artificial intelligence (AI) in healthcare, a rapidly evolving field, (18) _____. These technologies leverage machine learning and data analytics to improve diagnostics, treatment plans, and patient outcomes. This innovation not only enhances efficiency in healthcare delivery but also supports personalized medicine tailored to individual patient needs.

One notable feature (19) _____ and medical professionals is their ability to analyze vast amounts of data quickly. AI systems can identify patterns in medical records and imaging, assisting doctors in making more informed decisions.

Despite these advantages, concerns persist about the ethical implications and accuracy of AI-driven solutions. Misdiagnoses or data privacy breaches can lead to significant consequences for patients. (20) _____

AI in healthcare presents the potential for groundbreaking advancements. Offering significant transformative advantages for both patients and providers, (21) _____. However, substantial regulatory, ethical, and technical challenges remain. (22) _____

DỊCH BÀI:

Trí tuệ nhân tạo (AI) trong chăm sóc sức khỏe, một lĩnh vực đang phát triển nhanh chóng, ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong các hoạt động y tế hiện đại. Các công nghệ này tận dụng máy học và phân tích dữ liệu để cải thiện chẩn đoán, kế hoạch điều trị và tình trạng của bệnh nhân. Sự đổi mới này không chỉ nâng cao hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe mà còn hỗ trợ y học mang tính cá nhân hóa theo nhu cầu của từng bệnh nhân.

Một tính năng đáng chú ý khiến các công cụ AI đặc biệt hấp dẫn đối với các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chuyên gia y tế là khả năng phân tích nhanh chóng khối lượng lớn dữ liệu. Hệ thống AI có thể xác định các mẫu trong hồ sơ bệnh án và hình ảnh, hỗ trợ bác sĩ đưa ra quyết định sáng suốt hơn.

Bất chấp những lợi thế này, vẫn còn tồn tại những lo ngại về mặt đạo đức và tính chính xác của các giải pháp do AI điều khiển. Chẩn đoán sai hoặc vi phạm quyền riêng tư dữ liệu có thể dẫn đến hậu quả đáng kể cho bệnh nhân. Nguy cơ công nghệ trục trặc trong các tình huống y tế quan trọng cũng là một mối lo ngại.

AI trong chăm sóc sức khỏe có tiềm năng tạo ra những tiến bộ đột phá. Mang lại những lợi thế có tính thay đổi đáng kể cho cả bệnh nhân và nhà cung cấp, nó được kỳ vọng sẽ cách mạng hóa cách dịch vụ chăm sóc sức khỏe được cung cấp. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức đáng kể về mặt quy định, đạo đức và kỹ thuật. Để đạt được hiệu quả triển khai, điều quan trọng là phải giải quyết được những trở ngại này.

Question 18 [695723]:

- A. is increasingly becoming integral to modern medical practices
- B. of which has increasingly become integral to modern medical practices
- C. having increasingly become integral to modern medical practices
- D. that is increasingly becoming integral to modern medical practices

Kiến thức về cấu trúc câu:

- Ta có cấu trúc của một mệnh đề độc lập: **S + V + ...**. Căn cứ vào vị trí chỗ trống, ta thấy câu đã có chủ ngữ là **"Artificial intelligence (AI) in healthcare"** và chưa có động từ chính \Rightarrow ta cần một động từ chính chia theo chủ ngữ này để tạo thành câu hoàn chỉnh \Rightarrow loại B, D (ta không dùng mệnh đề quan hệ); loại C (ta không dùng rút gọn động từ ở dạng phân từ hoàn thành).

Tạm dịch: Artificial intelligence (AI) in healthcare, a rapidly evolving field, (18) _____. (*Trí tuệ nhân tạo (AI) trong chăm sóc sức khỏe, một lĩnh vực đang phát triển nhanh chóng, ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong các hoạt động y tế hiện đại*).

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 19 [695724]:

- A. makes AI tools particularly attractive to healthcare providers
- B. that renders AI tools especially attractive to healthcare providers
- C. converts AI tools into something appealing to healthcare providers
- D. in which AI tools are especially attractive to healthcare providers

Kiến thức về mệnh đề quan hệ:

- Ta có: Trong một câu không thể có 2 động từ chính cùng chia theo thì của câu, động từ thứ hai phải ở trong mệnh đề quan hệ hoặc chia ở dạng rút gọn mệnh đề quan hệ \Rightarrow loại A, C.

- Quan sát cả câu, ta thấy không có động từ hay danh từ nào đi với giới từ "in" để mà có thể dùng "in which" \Rightarrow loại D.

- **that**: là đại từ quan hệ thay thế cho danh từ chỉ cả người lẫn vật, có thể được dùng thay cho Who, Whom, Which trong mệnh đề quan hệ thuộc loại Restricted Clause (Mệnh đề xác định). Cụ thể trong câu, **"that"** thay thế cho danh từ **"feature"** phía trước và làm chủ ngữ cho động từ **"renders"**.

Tạm dịch: One notable feature (19) _____ and medical professionals is their ability to analyze vast amounts of data quickly. (*Một tính năng đáng chú ý khiến các công cụ AI đặc biệt hấp dẫn đối với các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chuyên gia y tế là khả năng phân tích nhanh chóng khối lượng lớn dữ liệu*).

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 20 [695725]:

- A. Aiming to address biases in AI, many organizations are implementing rigorous testing protocols
- B. They raise concerns about the accuracy of AI due to the absence of potential biases in training data
- C. The risk of technology malfunctioning during critical medical situations is also a worry
- D. AI technologies have been developed to enhance decision-making in healthcare

Kiến thức về mệnh đề độc lập – nghĩa của câu:

*Xét các đáp án:

- A. Nhằm mục đích giải quyết các sai sót trong AI, nhiều tổ chức đang triển khai các giao thức thử nghiệm nghiêm ngặt
- B. Chúng làm dấy lên mối lo ngại về độ chính xác của AI do không có các sai sót tiềm ẩn trong dữ liệu đào tạo.
- C. Nguy cơ công nghệ trực trặc trong các tình huống y tế quan trọng cũng là một mối lo ngại
- D. Các công nghệ AI đã được phát triển để nâng cao khả năng ra quyết định trong chăm sóc sức khỏe.

Tạm dịch: Despite these advantages, concerns persist about the ethical implications and accuracy of AI- driven solutions. Misdiagnoses or data privacy breaches can lead to significant consequences for patients. (20) _____. (*Bất chấp những lợi thế này, vẫn còn tồn tại những lo ngại về mặt đạo đức và tính chính xác của các giải pháp do AI điều khiển. Chẩn đoán sai hoặc vi phạm quyền riêng tư dữ liệu có thể dẫn đến hậu quả đáng kể cho bệnh nhân. **Nguy cơ công nghệ trực trặc trong các tình huống y tế quan trọng cũng là một mối lo ngại***).

Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Question 21 [695726]:

- A. We expect it to have a revolutionary impact on healthcare delivery
- B. A revolutionary role in healthcare will be taken by these technologies
- C. People expect it to revolutionize the way healthcare is delivered
- D. It is expected to revolutionize the way healthcare is delivered

Kiến thức về phân từ hiện tại, phân từ hoàn thành:

Tạm dịch: AI in healthcare presents the potential for groundbreaking advancements. Offering significant transformative advantages for both patients and providers, (21) _____. (*AI trong chăm sóc sức khỏe có tiềm năng tạo ra những tiến bộ đột phá. Mang lại những lợi thế có tính thay đổi đáng kể cho cả bệnh nhân và nhà cung cấp, nó được kỳ vọng sẽ cách mạng hóa cách dịch vụ chăm sóc sức khỏe được cung cấp*).

⇒ Ta có: Khi 2 vế đồng chủ ngữ, người ta bỏ chủ ngữ của mệnh đề đầu, đưa động từ về dạng Ving/ Having Vp2 khi động từ ở thể chủ động. Xét cụ thể trong câu, chủ ngữ của mệnh đề đầu và mệnh đề sau phải giống nhau, và thứ “mang lại những lợi thế có tính thay đổi đáng kể...” phải là “**AI in healthcare**” (~it), nên đây cũng là chủ ngữ của mệnh đề ở vị trí chỗ trống.

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 22 [695727]:

- A. If these issues are resolved, effective implementation might remain unattainable
- B. Without tackling these issues, these machines can realize their full operational potential
- C. To achieve effective implementation, it is crucial that these obstacles are dealt with
- D. In order for effective implementation to be achieved, these obstacles must be tackled with

Kiến thức về mệnh đề độc lập – nghĩa của câu:

*Xét các đáp án:

- A. If these issues are resolved, effective implementation might remain unattainable: Nếu những vấn đề này được giải quyết, việc triển khai hiệu quả có thể vẫn không đạt được
- B. Without tackling these issues, these machines can realize their full operational potential: Nếu không giải quyết những vấn đề này, những máy móc này có thể phát huy hết tiềm năng hoạt động của chúng
- C. To achieve effective implementation, it is crucial that these obstacles are dealt with: Để đạt được việc triển khai hiệu quả, điều quan trọng là phải giải quyết những trở ngại này
- D. In order for effective implementation to be achieved, these obstacles must be tackled with ⇒ Sai ngữ pháp (ta chỉ có “tackle sth: giải quyết cái gì”, không có “tackle with sth”).

Tạm dịch: However, substantial regulatory, ethical, and technical challenges remain. (22) _____.
(Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức đáng kể về mặt quy định, đạo đức và kỹ thuật. **Để đạt được hiệu quả triển khai, điều quan trọng là phải giải quyết được những trở ngại này**).

Căn cứ vào nghĩa, C là đáp án phù hợp.

Read the following passage about the magazine’s power and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 23 to 30.

Who says print is dead? Walk into Joseph’s Magazine Stand in downtown Chicago, where glossy covers still catch eyes and spark conversations. “People come here seeking stories, not just information,” muses Joseph Chen, who has run stands since 1985. Between towering racks of publications, readers forge their unexpected connections.

Print magazines shape cultural narratives in ways digital platforms struggle to replicate. Market research from Columbia Journalism Review unveils that readers retain 65% more information from print articles than digital ones. Readers’ emotional engagement amplifies through **their** physical interaction with pages. Magazine subscribers demonstrate remarkable loyalty, with specialty publications maintaining subscription rates even as digital alternatives proliferate. Independent magazines flourish in particular niches, where devoted readers savor curated content and tangible experiences.

Print publications cultivate distinct reading rituals. Morning commuters fold newspaper corners on trains, while coffee shop regulars annotate magazine margins. The tactile nature of print media engenders **contemplative** reading practices. Scientific studies reveal that paper-based reading stimulates neural pathways associated with deeper comprehension. Paper activates spatial memory, allowing readers to map information physically across pages.

Magazines build bridges between creators and audiences through innovative formats. Art directors experiment with paper types and printing techniques to enhance storytelling. Photography gains depth through carefully chosen paper finishes. **Editorial teams orchestrate visual narratives across spreads, guiding readers through carefully paced journeys.** Reader letters transform into community forums, where subscribers debate ideas across monthly issues. This collaborative spirit **permeates** throughout production, fostering meaningful dialogue between writers, designers, and devoted readers who anticipate each carefully crafted edition.

(Adapted from The New Yorker)

DỊCH BÀI:

Ai nói báo in không còn tồn tại? Hãy đến quầy tạp chí Joseph ở trung tâm thành phố Chicago, nơi những trang bìa bóng loáng vẫn thu hút sự chú ý và khơi gợi những cuộc trò chuyện. "Mọi người đến đây để tìm kiếm những câu chuyện, không chỉ là thông tin", Joseph Chen, người đã điều hành các gian hàng từ năm 1985, trầm ngâm. Giữa những giá sách cao ngất ngưởng, độc giả tạo nên những mối liên kết bất ngờ.

Tạp chí in định hình các câu chuyện văn hóa theo cách mà các nền tảng kỹ thuật số phải vật lộn để sao chép. Nghiên cứu thị trường từ Columbia Journalism Review tiết lộ rằng độc giả lưu giữ nhiều hơn 65% thông tin từ các bài báo in so với các bài báo kỹ thuật số. Sự gắn kết cảm xúc của người đọc được khuếch đại thông qua tương tác vật lý với các trang sách. Những người đăng ký tạp chí thể hiện lòng trung thành đáng kể, với các ấn phẩm chuyên ngành vẫn duy trì tỷ lệ đăng ký ngay cả khi các lựa chọn kỹ thuật số ngày càng phổ biến. Các tạp chí độc lập phát triển mạnh ở những phân khúc cụ thể, nơi độc giả trung thành thưởng thức nội dung được chọn lọc và trải nghiệm thực tế.

Ấn phẩm in tạo ra các nghi thức đọc khác biệt. Những người đi làm buổi sáng thường gấp một góc báo lại trên tàu, trong khi những người thường xuyên đến quán cà phê chú thích bên lề của tạp chí. Các nghiên cứu khoa học cho thấy việc đọc sách trên giấy kích thích các đường dẫn thần kinh liên quan đến khả năng hiểu sâu hơn. Giấy kích hoạt trí nhớ không gian, cho phép người đọc lập bản đồ thông tin vật lý trên các trang.

Tạp chí xây dựng cầu nối giữa người sáng tạo và độc giả thông qua các định dạng độc lạ. Các giám đốc nghệ thuật thử nghiệm các loại giấy và kỹ thuật in để nâng cao khả năng truyền đạt. Phần ảnh có chiều sâu hơn nhờ lớp giấy được lựa chọn cẩn thận. Các nhóm biên tập dàn dựng các câu chuyện trực quan trên các trang, đưa độc giả qua các hành trình được thực hiện cẩn thận. Thư của độc giả chuyển thành diễn đàn cộng đồng, nơi những người đăng ký tranh luận về các ý tưởng trên các ấn bản hàng tháng. Tinh thần hợp tác này thấm nhuần trong suốt quá trình sản xuất, thúc đẩy cuộc đối thoại có ý nghĩa giữa các nhà văn, nhà thiết kế và độc giả trung thành, những người mà mong đợi từng ấn bản được sáng tác cẩn thận.

Question 23 [695728]: Which of the following is **NOT** mentioned as an advantage of print magazines?

- A. enhanced memory retention rates
- B. specialized content curation
- C. advertising effectiveness rates
- D. tactile reading experience

Câu nào sau đây KHÔNG được đề cập đến như một lợi ích của tạp chí in?

- A. tỷ lệ duy trì ký ức được cải thiện
- B. nội dung chọn lọc chuyên biệt
- C. tỷ lệ hiệu quả trong quảng cáo
- D. trải nghiệm đọc có tính xúc giác

Căn cứ vào thông tin: Market research from Columbia Journalism Review unveils that **readers retain 65% more information from print articles than digital ones**. Readers' emotional engagement amplifies through their physical interaction with pages. Magazine subscribers demonstrate remarkable loyalty, with specialty publications maintaining subscription rates even as digital alternatives proliferate. Independent magazines flourish in particular niches, where devoted readers savor **curated content** and **tangible experiences**. (Nghiên cứu thị trường từ Columbia Journalism Review tiết lộ rằng **độc giả lưu giữ nhiều hơn 65% thông tin từ các bài báo in so với các bài báo kỹ thuật số**. Sự gắn kết cảm xúc của người đọc được khuếch đại thông qua tương tác vật lý với các trang sách. Những người đăng ký tạp chí thể hiện lòng trung thành đáng kể, với các ấn phẩm chuyên ngành vẫn duy trì tỷ lệ đăng ký ngay cả khi các lựa chọn kỹ thuật số ngày càng phổ biến. Các tạp chí độc lập phát triển mạnh ở những phân khúc cụ thể, nơi độc giả trung thành thưởng thức nội dung được chọn lọc và trải nghiệm thực tế).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 24 [695729]: The word “permeates” in the final paragraph is **OPPOSITE** in meaning to _____
A. dissipates B. saturates C. infiltrates D. penetrates

Từ "permeates" trong đoạn cuối có nghĩa TRÁI với ____.

- A. dissipates - dissipate /'dɪs.ɪ.pert/ (v): dần dần biến mất, tiêu tan
- B. saturates – saturate /'sætʃ.ə.rɪt/ (v): làm cho ướt nhẹp; bão hòa
- C. infiltrates – infiltrate /'ɪn.fɪl.treɪt/ (v): gián điệp, cài (người) vào một tổ chức để thu thập tin tức
- D. penetrates – penetrate /'pen.ɪ.treɪt/ (v): thâm nhập

Căn cứ vào thông tin: This collaborative spirit **permeates** throughout production, fostering meaningful dialogue between writers, designers, and devoted readers who anticipate each carefully crafted edition. (*Tinh thần hợp tác này **thấm nhuần** trong suốt quá trình sản xuất, thúc đẩy cuộc đối thoại có ý nghĩa giữa các nhà văn, nhà thiết kế và độc giả trung thành, những người mà mong đợi từng ấn bản được sáng tác cẩn thận*).

⇒ **permeates >< dissipates**

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 25 [695730]: The word “their” in paragraph 2 refers to _____
A. platforms B. readers C. magazines D. narratives

Từ "their" trong đoạn 2 ám chỉ đến ____.

- A. platforms – platform /'plæt.fɔ:m/ (n): nền tảng
- B. readers – reader /'ri:.dər/ (n): độc giả
- C. magazines – magazine /,mæɡ.ə'zi:n/ (n): tạp chí
- D. narratives – narrative /'nær.ə.tɪv/ (n): câu chuyện, lời tường thuật

Căn cứ vào thông tin: Readers' emotional engagement amplifies through their physical interaction with pages. (*Sự gắn kết cảm xúc của người đọc được khuếch đại thông qua tương tác vật lý với các trang sách*).

⇒ **their ~ readers**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 26 [695731]: The word “contemplative” in paragraph three could be best replaced by _____
A. perceptive B. cognitive C. attentive D. ruminative

Từ "contemplative" trong đoạn văn thứ ba có thể được thay thế tốt nhất bằng ____.

- A. perceptive /pə'sep.tɪv/ (a): tinh ý
- B. cognitive /'kɒɡ.nə.tɪv/ (a): liên quan đến nhận thức
- C. attentive /ə'ten.tɪv/ (a): chú ý lắng nghe; chăm sóc, quan tâm
- D. ruminative /'ru:.mɪ.nə.tɪv/ (a): mang tính suy ngẫm, suy tư

Căn cứ vào thông tin: The tactile nature of print media engenders **contemplative** reading patterns. (*Bản chất xúc giác của phương tiện in ấn tạo ra các kiểu đọc **mang tính chiêm nghiệm***).

⇒ **contemplative ~ ruminative**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 27 [695732]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence?

- A. Design specialists strategically position visual elements throughout publications to shape reader engagement

patterns

B. Editorial departments carefully construct sequential visual stories that lead audiences through magazine experiences

C. Magazine teams develop interconnected layouts across multiple pages to direct information consumption rates

D. Publication staff members coordinate the arrangement of imagery to control audience reading progression

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân một cách phù hợp nhất?

Xét câu được gạch chân: **Editorial teams orchestrate visual narratives across spreads, guiding readers through carefully paced journeys.** (Các nhóm biên tập dàn dựng các câu chuyện trực quan trên từng trang, đưa độc giả qua các hành trình được thực hiện cẩn thận).

A. Các chuyên gia thiết kế định vị các yếu tố trực quan một cách chiến lược trong suốt ấn phẩm để định hình các mô hình tương tác của người đọc ⇒ Đáp án A không phù hợp vì không sát nghĩa so với câu gốc.

B. Các phòng ban biên tập cẩn thận xây dựng những câu chuyện trực quan một cách trình tự, dẫn dắt khán giả trải nghiệm tạp chí từ đầu đến cuối ⇒ Đáp án B phù hợp vì sát nghĩa so với câu gốc.

C. Các nhóm tạp chí thiết kế bố cục liên kết với nhau trên nhiều trang để định hướng tốc độ tiêu thụ thông tin ⇒ Đáp án C không phù hợp vì không sát nghĩa so với câu gốc.

D. Các thành viên trong đội ngũ biên tập sắp xếp hình ảnh một cách hài hòa để điều hướng tiến trình đọc của độc giả ⇒ Đáp án D không phù hợp vì không sát nghĩa so với câu gốc.

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 28 [695733]: Which of the following is **TRUE** according to the passage?

A. Print media provides readers with more useful information than digital ones

B. Some print magazines maintain subscription numbers despite digital reading options

C. Paper-based reading activates some specific pathways in neural comprehension

D. Magazine stands to create spaces where readers discover their unexpected insights

Câu nào sau đây là ĐÚNG theo đoạn văn?

A. Phương tiện in cung cấp cho người đọc nhiều thông tin hữu ích hơn phương tiện kỹ thuật số

B. Một số tạp chí in vẫn duy trì số lượng đăng ký mặc dù có các tùy chọn đọc kỹ thuật số

C. Đọc trên giấy kích hoạt một số con đường nhất định trong quá trình hiểu biết của thần kinh

D. Các quầy tạp chí tạo ra không gian nơi độc giả khám phá những hiểu biết bất ngờ của họ

Căn cứ vào thông tin: Magazine subscribers demonstrate remarkable loyalty, with specialty publications maintaining subscription rates even as digital alternatives proliferate. (Những người đăng ký tạp chí thể hiện lòng trung thành lớn, với các ấn phẩm chuyên ngành vẫn duy trì tỷ lệ đăng ký ngay cả khi các lựa chọn kỹ thuật số ngày càng phổ biến) ⇒ **đáp án B đúng.**

- Các đáp án khác không được đề cập.

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 29 [695734]: In which paragraph does the writer examine the reading-memory relationship?

A. Paragraph 1

B. Paragraph 2

C. Paragraph 3

D. Paragraph 4

Trong đoạn văn nào tác giả xem xét mối quan hệ giữa đọc và ghi nhớ?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin đoạn 2: Market research from Columbia Journalism Review unveils that readers retain 65% more information from print articles than digital ones. (*Nghiên cứu thị trường từ Columbia Journalism Review tiết lộ rằng độc giả lưu giữ nhiều hơn 65% thông tin từ các bài báo in so với các bài báo kỹ thuật số*).

⇒ Ta thấy đoạn 2 nêu ra mối quan hệ giữa đọc và ghi nhớ ở báo in so với báo kỹ thuật số. Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 30 [695735]: In which paragraph does the writer explore creative production elements?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Trong đoạn văn nào tác giả khám phá các yếu tố sáng tạo trong sản xuất?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Căn cứ vào thông tin đoạn 4: Magazines build bridges between creators and audiences through innovative formats. Art directors experiment with paper types and printing techniques to enhance storytelling. (*Tạp chí xây dựng cầu nối giữa người sáng tạo và độc giả thông qua các định dạng độc lạ. Các giám đốc nghệ thuật thử nghiệm các loại giấy và kỹ thuật in để nâng cao khả năng truyền đạt*).

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 31 to 40.

“Just finished editing a short film for my photography class,” types Maya Chen in a group chat, while simultaneously helping coordinate her basketball team’s practice schedule and managing three different art accounts. [I] It’s 9 PM on a typical Tuesday, and like many of her peers, Maya’s digital engagement runs far deeper than casual scrolling or gaming.

[II] In local gaming cafes, the scene tells an unexpected story. Teenagers huddle around screens, but **they’re** not just playing games – they’re running small businesses, organizing community events, and even learning foreign languages through international gaming partners. “Yesterday I practiced Japanese with my raid team,” says Alex Rodriguez, who picked up the language through his gaming community. “Today I’m helping design merchandise for our team’s streaming channel.”

What adults often miss in these digital interactions is their layered complexity. [III] During a typical school session, James Park seamlessly weaves between editing YouTube tutorials, managing social media for local businesses, and collaborating on class projects. His YouTube channel, which started as a hobby sharing gaming

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong đoạn văn?

Digital engagement among teenagers extends far beyond casual entertainment into professional skill

development. (Sự tham gia của thanh thiếu niên vào công nghệ số không chỉ giới hạn ở giải trí thông thường mà còn mở rộng sang phát triển kỹ năng chuyên nghiệp).

- A. [I]
- B. [II]
- C. [III]
- D. [IV]

Xét vị trí [II]: [II] In local gaming cafes, the scene tells an unexpected story. Teenagers huddle around screens, but they're not just playing games - they're running small businesses, organizing community events, and even learning foreign languages through international gaming partners. ([II]. Tại các quán cà phê chơi game địa phương, cảnh tượng này kể một câu chuyện bất ngờ. Những thanh thiếu niên tụ tập quanh màn hình, nhưng họ không chỉ chơi game - họ đang điều hành các doanh nghiệp nhỏ, tổ chức các sự kiện cộng đồng và thậm chí học ngoại ngữ thông qua các bạn bè chơi game quốc tế).

⇒ Ta thấy câu văn của đề bài nói rằng thanh thiếu niên tham gia vào công nghệ số không chỉ để giải trí mà còn phát triển kỹ năng chuyên môn, và các câu văn sau vị trí [II] như chứng minh cho điều ấy khi nói rằng thanh thiếu niên bên cạnh việc chơi game, họ còn điều hành các doanh nghiệp nhỏ, tổ chức sự kiện hay thậm chí học ngoại ngữ ⇒ câu văn ở vị trí [II] là hợp lí, nó có chức năng như một câu mở đầu, khái quát nội dung toàn đoạn. Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 32 [695737]: The word "they" in paragraph 2 refers to _____.

- A. students
- B. screens
- C. cafes
- D. teenagers

Từ "they" trong đoạn 2 ám chỉ _____.

- A. students – student /'stju:.dənt/ (n): sinh viên
- B. screens – screen /skri:n/ (n): màn hình
- C. cafes – café /'kæfeɪ/ (n): quán cà phê
- D. teenagers – teenager /'ti:neɪdʒə(r)/ (n): thanh thiếu niên

Căn cứ vào thông tin: Teenagers huddle around screens, but they're not just playing games - **they're** running small businesses, organizing community events, and even learning foreign languages through international gaming partners. (Những thanh thiếu niên tụ tập quanh màn hình, nhưng họ không chỉ chơi game - **họ** đang điều hành các doanh nghiệp nhỏ, tổ chức các sự kiện cộng đồng và thậm chí học ngoại ngữ thông qua các bạn bè chơi game quốc tế).

⇒ **they ~ teenagers**

Do đó, D là đáp án phù hợp.

Question 33 [695738]: According to the passage, which of the following activities is **NOT** described as taking place in gaming cafes?

- A. Running small businesses
- B. Learning foreign languages
- C. Editing YouTube content
- D. Organizing community events

Theo đoạn văn, hoạt động nào sau đây **KHÔNG** được mô tả là diễn ra ở các quán cà phê chơi game?

- A. Điều hành doanh nghiệp nhỏ
- B. Học ngoại ngữ
- C. Chỉnh sửa nội dung YouTube
- D. Tổ chức các sự kiện cộng đồng

Căn cứ vào thông tin: Teenagers huddle around screens, but they're not just playing games - they're **running small businesses, organizing community events, and even learning foreign languages** through international gaming partners. (*Những thanh thiếu niên tụ tập quanh màn hình, nhưng họ không chỉ chơi game - họ đang điều hành các doanh nghiệp nhỏ, tổ chức các sự kiện cộng đồng và thậm chí học ngoại ngữ thông qua các bạn bè chơi game quốc tế*).

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 34 [695739]: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3?

- A. Adults frequently fail to perceive that these digital interactions involve multiple, intricate layers.
- B. The intricate and multifaceted nature of digital interactions is often overlooked by adults.
- C. These digital interactions are complex on many levels, a detail that often escapes adult awareness.
- D. Adults are commonly unaware that digital interactions possess an intricately layered structure.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu gạch chân trong đoạn 3 một cách tốt nhất?

Xét câu gạch chân trong đoạn 3: **What adults often miss in these digital interactions is their layered complexity.** (*Điều mà người lớn thường bỏ lỡ trong những tương tác kỹ thuật số này là sự phức tạp của chúng*).

⇒ Ta có: **layered** /'leɪ.əd/ (a): được dùng để miêu tả thứ gì phức tạp và thú vị vì nó có nhiều tính năng, cấp độ khác nhau.

- A. Người lớn thường không nhận ra rằng những tương tác kỹ thuật số này bao gồm nhiều lớp phức tạp ⇒ Đáp án A không phù hợp vì câu gốc không đề cập đến "nhiều lớp phức tạp".
- B. Bản chất phức tạp và đa diện của các tương tác kỹ thuật số thường bị người lớn bỏ qua ⇒ Đáp án B phù hợp vì **"intricate and multifaceted nature" ~ "layered complexity"**.
- C. Những tương tác kỹ thuật số này phức tạp ở nhiều cấp độ, một chi tiết mà người lớn thường không nhận thức được ⇒ Đáp án C không phù hợp vì câu gốc nói đến sự phức tạp nói chung, không phải sự phức tạp ở riêng việc nó nhiều cấp độ.
- D. Người lớn thường không nhận ra rằng các tương tác kỹ thuật số sở hữu một cấu trúc nhiều lớp phức tạp ⇒ Đáp án D không phù hợp vì câu gốc không đề cập đến "cấu trúc" của tương tác kỹ thuật số.

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 35 [695740]: The word "**curated**" in paragraph 4 is closest in meaning to _____.

- A. collected
- B. organized
- C. displayed
- D. managed

Từ "curated" trong đoạn 4 có nghĩa gần nhất với _____.

- A. collected – collect /kə'lekt/ (v): thu thập
- B. organized – organize /'ɔ:.gən.aɪz/ (v): tổ chức, sắp xếp
- C. displayed – display /dɪ'spleɪ/ (v): trưng bày
- D. managed – manage /'mæn.ɪdʒ/ (v): quản lý

Căn cứ vào thông tin: The debate team now runs a podcast analyzing current events, while the art club showcases student work through carefully **curated** Instagram galleries. (*Đội tranh luận hiện đang chạy một podcast phân tích các sự kiện hiện tại, trong khi câu lạc bộ nghệ thuật giới thiệu tác phẩm của sinh viên thông qua các bộ sưu tập Instagram được tuyển chọn cẩn thận*).

⇒ **curate** /kjʊə'reɪt/ (v): tổ chức, chọn lọc một bộ sưu tập hoặc một tập hợp các tác phẩm, thông tin, hoặc nội dung
~ **organized**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 36 [695741]: Which of the following best summarizes paragraph 4?

- A. School clubs have enhanced their activities by using digital tools.
- B. Students are learning to build professional networks through clubs.
- C. Clubs are innovating with digital media to showcase their work.
- D. Digital sophistication is helping clubs enhance traditional activities.

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất đoạn 4?

- A. Các câu lạc bộ trường học đã nâng cao các hoạt động của họ bằng cách sử dụng các công cụ kỹ thuật số.
- B. Sinh viên đang học cách xây dựng mạng lưới chuyên nghiệp thông qua các câu lạc bộ.
- C. Các câu lạc bộ đang đổi mới với phương tiện kỹ thuật số để giới thiệu công việc của họ.
- D. Sự tinh vi của kỹ thuật số đang giúp các câu lạc bộ nâng cao các hoạt động truyền thống.

Căn cứ vào thông tin đoạn 4: School clubs have taken notice of this digital sophistication. **The debate team now runs a podcast analyzing current events, while the art club showcases student work through carefully curated Instagram galleries.** (*Các câu lạc bộ trường học đã chú ý đến sự tinh vi kỹ thuật số này. Đội tranh luận hiện đang chạy một podcast phân tích các sự kiện hiện tại, trong khi câu lạc bộ nghệ thuật giới thiệu tác phẩm của sinh viên thông qua các bộ sưu tập Instagram được tuyển chọn cẩn thận*).

Do đó, A là đáp án phù hợp.

Question 37 [695742]: Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. The art club curates student work through dedicated Instagram gallery platforms.
- B. Local gaming cafes can function as spaces for teenagers' entrepreneurial activities.
- C. James's recreational video content developed into various professional work samples.
- D. Digital studios hire teenagers because of their advanced content creation skills.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Câu lạc bộ nghệ thuật quản lý tác phẩm của sinh viên thông qua các nền tảng bộ sưu tập Instagram chuyên dụng.
- B. Các quán cà phê chơi game địa phương có thể hoạt động như không gian cho các hoạt động kinh doanh của thanh thiếu niên.
- C. Nội dung video giải trí của James được phát triển thành nhiều mẫu công việc chuyên nghiệp khác nhau.
- D. Các studio kỹ thuật số tuyển dụng thanh thiếu niên vì kỹ năng sáng tạo nội dung nâng cao của họ.

Căn cứ vào thông tin:

- The debate team now runs a podcast analyzing current events, while **the art club showcases student work through carefully curated Instagram galleries.** (*Đội tranh luận hiện đang chạy một podcast phân tích các sự kiện hiện tại, trong khi câu lạc bộ nghệ thuật giới thiệu tác phẩm của sinh viên thông qua các bộ sưu tập Instagram được tuyển chọn cẩn thận*) ⇒ các câu lạc bộ nghệ thuật giới thiệu, trưng bày (showcases) tác phẩm của sinh viên thông qua bộ sưu tập, không phải chọn lọc, tổ chức (curates) tác phẩm của sinh viên ⇒ **đáp án A sai.**

- Teenagers huddle around screens, but they're not just playing games - they're running small businesses, organizing community events, and even learning foreign languages through international gaming partners. (*Những thanh thiếu niên tụ tập quanh màn hình, nhưng họ không chỉ chơi game - họ đang điều hành các doanh nghiệp nhỏ, tổ chức các sự kiện cộng đồng và thậm chí học ngoại ngữ thông qua các bạn bè chơi game quốc tế*) ⇒ **đáp án B đúng.**

- **Đáp án C, D không được đề cập.**

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 38 [695743]: The phrase "**hit the ground running**" in the final paragraph could best be replaced by

- _____.
- A. finished effectively
 - B. moved quickly
 - C. adapted well
 - D. learned fast

Cụm từ "hit the ground running" trong đoạn cuối có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. finished effectively: hoàn thành hiệu quả
- B. moved quickly: di chuyển nhanh chóng
- C. adapted well: thích nghi tốt
- D. learned fast: học nhanh

Căn cứ vào thông tin: Emma Watson, who started by making simple gaming videos, now freelances as a video editor for environmental organizations. She's really **hit the ground running**, combining her technical skills with her passion for sustainability. (*Emma Watson, người bắt đầu bằng việc tạo các video chơi game đơn giản, hiện làm việc tự do với tư cách là biên tập viên video cho các tổ chức môi trường. Cô ấy thực sự đã bắt kịp nhanh chóng, kết hợp các kỹ năng kỹ thuật của mình với niềm đam mê phát triển bền vững*).

⇒ **hit the ground running ~ adapted well**

Do đó, C là đáp án phù hợp.

Question 39 [695744]: What can be inferred from the passage?

- A. Teenagers begin developing their media management experience well before entering high school.
- B. Students managing online communities often possess superior content engagement understanding.
- C. Early exposure to digital content creation naturally leads to environmental advocacy careers.
- D. Youth-driven gaming channels frequently transform into professional development opportunities.

Có thể suy ra điều gì từ đoạn văn?

- A. Thanh thiếu niên bắt đầu phát triển kinh nghiệm quản lý phương tiện truyền thông của mình trước khi vào trung học.
- B. Sinh viên quản lý cộng đồng trực tuyến thường có khả năng hiểu biết sâu sắc về nội dung.
- C. Việc tiếp xúc sớm với việc sáng tạo nội dung số một cách tự nhiên sẽ dẫn đến sự nghiệp bảo vệ môi trường.
- D. Các kênh chơi game do thanh thiếu niên điều hành thường chuyển thành các cơ hội phát triển chuyên môn.

Căn cứ vào thông tin: Local creative studios report an interesting trend: teenagers arriving with increasingly sophisticated digital skills. "They understand audience engagement instinctively," notes studio owner David Chen. "Many have been managing online communities since middle school." This early exposure to content creation often translates into unexpected career paths. *(Các studio sáng tạo địa phương báo cáo một xu hướng thú vị: thanh thiếu niên ngày càng có nhiều kỹ năng kỹ thuật số tinh vi hơn. "Họ hiểu được sự tương tác của khán giả một cách bản năng", chủ hãng phim David Chen lưu ý. "Nhiều người đã quản lý các cộng đồng trực tuyến từ khi còn học trung học cơ sở". Việc tiếp xúc sớm với việc sáng tạo nội dung này thường chuyển thành các con đường sự nghiệp bất ngờ).*

Do đó, B là đáp án phù hợp.

Question 40 [695745]: Which of the following best summarizes the passage?

- A. Teenagers merge online gaming with professional development, while simultaneously building portfolios and managing digital communities through diverse platforms.
- B. Modern youth leverage gaming environments and social media to develop marketable skills, creating unexpected pathways toward professional careers.
- C. Digital spaces enable teenagers to blend academic work, creative projects, and professional growth while managing multiple online responsibilities.
- D. Students transform recreational gaming activities into learning opportunities, leading creative studios to recognize their sophisticated digital capabilities.

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất đoạn văn này?

- A. Thanh thiếu niên kết hợp chơi game trực tuyến với phát triển chuyên môn, đồng thời xây dựng danh mục đầu tư và quản lý cộng đồng kỹ thuật số thông qua nhiều nền tảng khác nhau.
- B. Thanh thiếu niên hiện đại tận dụng môi trường chơi game và phương tiện truyền thông xã hội để phát triển các kỹ năng có thể tiếp thị được, tạo ra những con đường bất ngờ hướng tới sự nghiệp chuyên môn.
- C. Không gian kỹ thuật số cho phép thanh thiếu niên kết hợp công việc học tập, các dự án sáng tạo và sự phát triển chuyên môn trong khi quản lý nhiều trách nhiệm trực tuyến.
- D. Học sinh biến các hoạt động chơi game giải trí thành cơ hội học tập, dẫn đến các studio sáng tạo nhận ra khả năng kỹ thuật số tinh vi của họ.

Căn cứ vào thông tin:

- "Just finished editing a short film for my photography class," types Maya Chen in a group chat, while simultaneously helping coordinate her basketball team's practice schedule and managing three different art accounts. *(Maya Chen vừa gõ vào nhóm chat: 'Vừa chỉnh sửa xong một phim ngắn cho lớp nhiếp ảnh,' trong khi đồng thời giúp sắp xếp lịch tập cho đội bóng rổ của mình và quản lý ba tài khoản nghệ thuật khác nhau).*

- Teenagers huddle around screens, but they're not just playing games - they're running small businesses, organizing community events, and even learning foreign languages through international gaming partners. *(Những thanh thiếu niên tụ tập quanh màn hình, nhưng họ không chỉ chơi game - họ đang điều hành các doanh nghiệp nhỏ, tổ chức các sự kiện cộng đồng và thậm chí học ngoại ngữ thông qua các bạn bè chơi game quốc tế).*

- During a typical study session, James Park seamlessly weaves between editing YouTube tutorials, managing social media for local businesses, and collaborating on class projects. *(Trong một buổi học thông thường, James Park có thể thoải mái vừa biên tập hướng dẫn trên YouTube, vừa quản lý phương tiện truyền thông xã hội cho các doanh nghiệp địa phương và cộng tác thực hiện các dự án trên lớp).*

- The debate team now runs a podcast analyzing current events, while the art club showcases student work through carefully curated Instagram galleries. *(Đội tranh luận hiện đang chạy một podcast phân tích các sự kiện hiện tại, trong khi câu lạc bộ nghệ thuật giới thiệu tác phẩm của sinh viên thông qua các bộ sưu tập Instagram được tuyển chọn cẩn thận).*

⇒ Ta thấy thanh thiếu niên không chỉ dùng không gian kỹ thuật số để học tập, học ngoại ngữ, thực hiện các dự án trên lớp mà còn phát triển kĩ năng chuyên môn, tổ chức các sự kiện cộng đồng, điều hành doanh nghiệp,...cùng nhiều trách nhiệm khác thông qua đó.

Do đó, C là đáp án phù hợp.

--- THE END ---